

BẢNG GIÁ ỐNG VÀ PHỤ KIỆN CHỐNG TIA CỰC TÍM PPR - UV








Đơn vị tính: VNĐ/m (Unit: VND/m); VNĐ/cái (Unit: VND/pc)

Đơn vị tính: VNĐ/cái (Unit: VND/pc)



TÊN SẢN PHẨM ITEM	KÍCH CỠ SIZE	ÁP LỰC PN	ĐƠN GIÁ - PRICE	
			TRƯỚC VAT	THANH TOÁN
ỐNG PN10 - PN10 PIPE				
	Φ20 x 2.3mm	10	33,400	36,072
	Φ25 x 2.8mm	10	59,300	64,044
	Φ32 x 2.9mm	10	77,000	83,160
	Φ40 x 3.7mm	10	103,300	111,564
	Φ50 x 4.6mm	10	151,600	163,728
	Φ63 x 5.8mm	10	241,500	260,820
ỐNG PN20 - PN20 PIPE				
	Φ20 x 3.4mm	20	41,300	44,604
	Φ25 x 4.2mm	20	72,300	78,084
	Φ32 x 5.4mm	20	106,400	114,912
	Φ40 x 6.7mm	20	164,700	177,876
	Φ50 x 8.3mm	20	255,800	276,264
	Φ63 x 10.5mm	20	403,300	435,564
CÚT 90° - 90° ELBOW				
	Φ20	25	8,300	8,964
	Φ25	25	10,900	11,772
	Φ32	25	19,200	20,736
	Φ40	25	31,400	33,912
	Φ50	25	55,000	59,400
	Φ63	25	168,400	181,872
CÚT REN TRONG 90° - FEMALE THREADED 90° ELBOW				
	Φ20*1/2	25	69,000	74,520
	Φ25*1/2	25	78,200	84,456
	Φ25*3/4	25	105,300	113,724
	Φ32*1	25	194,500	210,060
CÚT REN NGOÀI 90° - MALE THREADED 90° ELBOW				
	Φ20*1/2	25	96,900	104,652
	Φ25*1/2	25	109,700	118,476
	Φ25*3/4	25	129,500	139,860
	Φ32*1	25	206,100	222,588

TÊN SẢN PHẨM ITEM	KÍCH CỠ SIZE	ÁP LỰC PN	ĐƠN GIÁ - PRICE	
			TRƯỚC VAT	THANH TOÁN
TÊ - TEE				
	Φ20	25	9,800	10,584
	Φ25	25	15,000	16,200
	Φ32	25	24,800	26,784
	Φ40	25	38,400	41,472
	Φ50	25	75,600	81,648
	Φ63	25	189,500	204,660
	TÊ THU - REDUCING TEE			
	Φ25	25	15,000	16,200
	Φ32	25	26,400	28,512
	Φ40	25	58,000	62,640
	Φ50	25	101,900	110,052
	Φ63	25	179,100	193,428
	TÊ REN TRONG - FEMALE THREADED TEE			
	Φ20*1/2	25	69,400	74,952
	Φ25*1/2	25	74,300	80,244
	Φ25*3/4	25	108,300	116,964
TÊ REN NGOÀI - MALE THREADED TEE				
	Φ20*1/2	25	85,500	92,340
	Φ25*1/2	25	92,700	100,116
	Φ25*3/4	25	112,300	121,284
BIT - END CAP				
	Φ20	25	4,200	4,536
	Φ25	25	7,200	7,776
	Φ32	25	9,300	10,044
	Φ40	25	14,100	15,228

Đơn vị tính: VNĐ/cái (Unit: VND/pc)

TÊN SẢN PHẨM ITEM	KÍCH CỠ SIZE	ÁP LỰC PN	ĐƠN GIÁ - PRICE	
			TRƯỚC VAT	THANH TOÁN
RẮCCO REN NGOÀI - MALE THREADED UNION				
	Φ20*1/2	25	165,100	178,308
	Φ25*3/4	25	247,400	267,192
	Φ32*1	25	412,400	445,392
	Φ40*11/4	25	649,800	701,784
	Φ50*11/2	25	1,036,200	1,119,096
	Φ63*2	25	1,442,900	1,558,332
RẮCCO REN TRONG - FEMALE THREADED UNION				
	Φ20	25	154,900	167,292
RẮCCO NHỰA - UNION				
	Φ20	10	54,200	58,536
	Φ25	10	79,800	86,184
	Φ32	10	114,800	123,984
	Φ40	10	131,800	142,344
	Φ50	10	198,100	213,948
MĂNG SÔNG REN TRONG - MALE THREADED COUPLING				
	Φ20*1/2	25	61,900	66,852
	Φ25*1/2	25	75,700	81,756
	Φ25*3/4	25	84,500	91,260
	Φ32*1	25	137,500	148,500
	Φ40*11/4	25	341,200	368,496
	Φ50*11/2	25	452,900	489,132
	Φ63*2	25	916,100	989,388
MĂNG SÔNG REN NGOÀI - FEMALE THREADED COUPLING				
	Φ20*1/2	25	78,200	84,456
	Φ25*1/2	25	90,400	97,632
	Φ25*3/4	25	109,100	117,828
	Φ32*1	25	161,300	174,204
	Φ40*11/4	25	469,100	506,628
	Φ50*11/2	25	586,200	633,096
	Φ63*2	25	993,400	1,072,872

Đơn vị tính: VNĐ/cái (Unit: VND/pc)

TÊN SẢN PHẨM ITEM	KÍCH CỠ SIZE	ÁP LỰC PN	ĐƠN GIÁ - PRICE	
			TRƯỚC VAT	THANH TOÁN
CHÉCH 45° - 45° ELBOW				
	Φ20	25	6,900	7,452
	Φ25	25	10,900	11,772
	Φ32	25	16,500	17,820
	Φ40	25	33,000	35,640
	Φ50	25	62,800	67,824
	Φ63	25	143,900	155,412
CÔNG THU - REDUCER				
	Φ25	25	6,800	7,344
	Φ32	25	9,800	10,584
	Φ40	25	15,000	16,200
	Φ50	25	27,000	29,160
Φ63	25	52,200	56,376	
MĂNG SÔNG - COUPLING				
	Φ20	25	4,400	4,752
	Φ25	25	7,400	7,992
	Φ32	25	11,500	12,420
	Φ40	25	18,300	19,764
	Φ50	25	32,800	35,424
	Φ63	25	65,600	70,848
VAN CỬA ĐỒNG TAY NHỰA - GATE VALVE				
	Φ20	25	325,700	351,756
	Φ25	25	374,500	404,460
	Φ32	20	537,400	580,392
	Φ40	20	904,700	977,076
	Φ50	20	1,410,800	1,523,664
	Φ63	20	2,173,900	2,347,812